

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC X- VĨNH LONG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
TỈNH VĨNH LONG

Bản án số: 49/2025/HNGĐ

Ngày: 26-12-2025

V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC X- VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Dương Thị Mỹ Châm**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn B;

Ông Nguyễn Tuấn T.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Đặng Văn T1**- Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực X- Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Ngày 26 tháng 12 năm 2025, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân Khu vực X- Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 137/2025/TLST-HNGĐ, ngày 06-10-2025; về việc “Tranh chấp ly hôn”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 08-12-2025, giữa:

Nguyên đơn: Chị Trương Thị Lệ T2, sinh năm 1980; Địa chỉ: Ấp T3, xã H, tỉnh Vĩnh Long (Có đơn xin vắng mặt);

Bị đơn: Anh Nguyễn Trường G, sinh năm 1979; Địa chỉ: Ấp T3, xã H, tỉnh Vĩnh Long (Có đơn xin vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện trong quá trình giải quyết nguyên đơn chị Trương Thị Lệ T2 trình bày:

Năm 2001, chị có xác lập quan hệ hôn nhân với anh Nguyễn Trường G, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T4, huyện T5, tỉnh Trà Vinh (nay là xã H, tỉnh Vĩnh Long), trong quá trình sống chung chị với anh G có 02 con chung tên Nguyễn Minh K, sinh ngày 18/8/2001 và Nguyễn Thị Tố Q, sinh ngày 03/6/2000, hiện tại 02 con chung đã thành niên. Tài sản chung: Có, nhưng chị không tranh chấp;

Về nợ chung: Không có;

Nguyên nhân xin ly hôn: Chị với anh G sống chung tính tình không hợp, do bất đồng nhiều quan điểm, thường xuyên cự cãi làm cho cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng không còn tình cảm, công việc của ai nấy làm, không ai quan tâm ai, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị quyết định xin ly hôn với anh G.

Về hôn nhân: Chị T2 yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Trường G.

Về con chung: Nguyễn Minh K, sinh ngày 18/8/2001 và Nguyễn Thị Tố Q, sinh ngày 03/6/2000 đã thành niên, chị T2 không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Có, nhưng chị T2 không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết;

Về nợ chung: Chị T2 khai không có, không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của bị đơn anh Nguyễn Trường G trình bày:

Năm 2001, anh có xác lập quan hệ hôn nhân với chị Trương Thị Lệ T2, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T4, huyện T5, tỉnh Trà Vinh (nay là xã H, tỉnh Vĩnh Long) quá trình sống chung anh với chị T2 có 02 con chung tên Nguyễn Minh K, sinh ngày 18/8/2001 và Nguyễn Thị Tố Q, sinh ngày 03/6/2000, hiện tại 02 con chung đã thành niên.

Về tài sản chung: Có, nhưng anh G không tranh chấp;

Về nợ chung: Không có;

Nguyên nhân vợ chồng không còn sống chung: Vợ chồng không còn tình cảm, thường xuyên cự cãi, không thương yêu và tôn trọng nhau, mạnh ai nấy sống, do bất đồng nhiều quan điểm dẫn đến không hạnh phúc, anh đồng ý ly hôn với chị T2.

Về con chung: Nguyễn Minh K, sinh ngày 18/8/2001 và Nguyễn Thị Tố Q, sinh ngày 03/6/2000 đã thành niên, anh không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Có nhưng anh không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết;

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết;

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn có cung cấp tài liệu, chứng cứ gồm: Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính), giấy khai sinh con; CCCD (photo); Bị đơn không có cung cấp chứng cứ.

Những vấn đề các bên đương sự thống nhất:

Về hôn nhân: Chị Trương Thị Lệ T2 với anh Nguyễn Trường G thuận tình ly hôn.

Về con chung: Nguyễn Minh K, sinh ngày 18/8/2001 và Nguyễn Thị Tố Q, sinh ngày 03/6/2000 đã thành niên, chị Trương Thị Lệ T2 với anh Nguyễn Trường G không yêu cầu giải quyết;

Về tài sản chung: Chị Trương Thị Lệ T2 với anh Nguyễn Trường G thống nhất khai có, nhưng không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

2 Về nợ chung: Chị Trương Thị Lệ T2 với anh Nguyễn Trường G thống nhất khai không có, không yêu cầu giải quyết.

Những vấn đề các bên đương sự không thống nhất: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] ***Về thủ tục tố tụng:*** Anh Nguyễn Trường G có hộ khẩu tại ấp T3, xã H, tỉnh Vĩnh Long theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực X- Vĩnh Long; Bị đơn không có yêu cầu phản tố.

Chị Trương Thị Lệ T2 với anh Nguyễn Trường G có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn xét xử vụ án.

[2] ***Về quan hệ hôn nhân:*** Chị Trương Thị Lệ T2 với anh Nguyễn Trường G kết hôn vào năm 2001 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T4, huyện T5, tỉnh Trà Vinh (nay là xã H, tỉnh Vĩnh Long) theo đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên hôn nhân của chị T2 với anh G là hợp pháp. Quá trình chung sống chị T2 với anh G đều xác định tình trạng hôn nhân phát sinh nhiều mâu thuẫn làm cho cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc và hai người xác định vợ chồng không hàn gắn, đoàn tụ được cùng thống nhất thuận tình ly hôn, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 55 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014 công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị T2 với anh G.

[3] ***Về con chung:*** Chị Trương Thị Lệ T2 với anh Nguyễn Trường G thống nhất khai: thời gian sống chung chị T2 với anh G có 02 người con chung tên Nguyễn Minh K, sinh ngày 18/8/2001 và Nguyễn Thị Tố Q, sinh ngày 03/6/2000 đã thành niên, chị T2 với anh G thống nhất không yêu cầu giải quyết.

[4] ***Về tài sản chung:*** Chị Trương Thị Lệ T2 với anh Nguyễn Trường G thống nhất khai có, nhưng không tranh chấp không yêu cầu giải quyết.

[5] ***Về nợ chung:*** Chị Trương Thị Lệ T2 với anh Nguyễn Trường G thống nhất khai không có, không yêu cầu giải quyết.

[6] ***Về án phí hôn nhân sơ thẩm:*** Nguyên đơn chị Trương Thị Lệ T2 phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, các Điều 39, 147, 228, 273, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Áp dụng Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị Lệ T2.

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trương Thị Lệ T2 với anh Nguyễn Trường G.

2. Về con chung: Nguyễn Minh K, sinh ngày 18/8/2001 và Nguyễn Thị Tố Q, sinh ngày 03/6/2000 đã thành niên, chị Trương Thị Lệ T2 với anh Nguyễn Trường G thống nhất không yêu cầu giải quyết;

3 Về tài sản chung: Chị Trương Thị Lệ T2 với anh Nguyễn Trường G thống nhất khai có nhưng không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết

4. Về nợ chung: Chị Trương Thị Lệ T2 với anh Nguyễn Trường G thống nhất khai không có, không yêu cầu giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Trương Thị Lệ T2 phải chịu 300.000 đồng án phí, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004335, ngày 06-10-2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Chị Trương Thị Lệ T2 đã nộp đủ án phí.

Anh Nguyễn Trường G không phải chịu án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để xin Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử lại theo trình tự phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND K VX- Vĩnh Long;
- Phòng THADS KV X- Vĩnh Long;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Mỹ Chấm